

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM**

VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Gia Định, TP. HCM

ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887

Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP. HCM

ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA PP-R

Tiêu chuẩn DIN 8078:2008

Hiệu lực từ ngày 29-06-2026 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	PN				PN			PN			PN		
	10 bar				16 bar			20 bar			25 bar		
	DN	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa	mm	đồng/mét		mm	đồng/mét		mm	đồng/mét		mm	đồng/mét	
1	20	2.3	16,200	17,496	2.8	18,100	19,548	3.4	20,100	21,708	4.1	22,200	23,976
2	25	2.8	29,000	31,320	3.5	33,300	35,964	4.2	35,200	38,016	5.1	36,900	39,852
3	32	2.9	37,600	40,608	4.4	45,200	48,816	5.4	51,800	55,944	6.5	57,000	61,560
4	40	3.7	50,400	54,432	5.5	61,200	66,096	6.7	80,300	86,724	8.1	87,100	94,068
5	50	4.6	73,900	79,812	6.9	97,300	105,084	8.3	124,700	134,676	10.1	139,000	150,120
6	63	5.8	117,400	126,792	8.6	152,900	165,132	10.5	196,600	212,328	12.7	218,800	236,304
7	75	6.8	163,300	176,364	10.3	208,400	225,072	12.5	272,300	294,084	15.1	309,100	333,828
8	90	8.2	238,300	257,364	12.3	291,800	315,144	15.0	407,100	439,668	18.1	444,600	480,168
9	110	10.0	381,400	411,912	15.1	444,600	480,168	18.3	573,100	618,948	22.1	660,000	712,800
10	125	11.4	472,400	510,192	17.1	576,600	622,728	20.8	771,200	832,896	25.1	885,700	956,556
11	140	12.7	582,900	629,532	19.2	701,600	757,728	23.3	979,500	1,057,860	28.1	1,167,100	1,260,468
12	160	14.6	795,400	859,032	21.9	972,600	1,050,408	26.6	1,302,600	1,406,808	32.1	1,511,600	1,632,528
13	180	16.4	1,253,300	1,353,564	24.6	1,742,300	1,881,684	29.0	2,048,000	2,211,840	36.1	2,353,600	2,541,888
14	200	18.2	1,520,600	1,642,248	27.4	2,154,900	2,327,292	33.2	2,521,800	2,723,544			



CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM

VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Gia Định, TP. HCM

ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887

Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP. HCM

ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN ỐNG NHỰA PP-R

Tiêu chuẩn DIN 8078:2008

Hiệu lực từ ngày 29-06-2026 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm		Nối thẳng		Lối (Nối góc 45°)		Co (Nối góc 90°)		Tê (Ba chạc 90°)		Đầu bịt ngoài	
	DN		Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa	bar	đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
1	20	20.0	2,100	2,268	3,300	3,564	4,100	4,428	4,700	5,076	2,000	2,160
2	25	20.0	3,600	3,888	5,400	5,832	5,400	5,832	7,300	7,884	3,500	3,780
3	32	20.0	5,600	6,048	8,100	8,748	9,400	10,152	12,100	13,068	4,500	4,860
4	40	20.0	8,900	9,612	16,000	17,280	15,300	16,524	18,700	20,196	6,800	7,344
5	50	20.0	16,000	17,280	30,600	33,048	26,900	29,052	36,900	39,852	12,900	13,932
6	63	20.0	32,000	34,560	70,200	75,816	82,100	88,668	92,400	99,792	62,600	67,608
7	75	20.0	53,600	57,888	107,900	116,532	107,200	115,776	138,800	149,904	111,200	120,096
8	90	20.0	90,700	97,956	128,500	138,780	165,300	178,524	215,400	232,632	125,100	135,108
9	110	20.0	147,100	158,868	223,800	241,704	336,900	363,852	333,500	360,180	137,500	148,500
10	125	20.0	282,900	305,532			546,100	589,788	708,800	765,504		
11	140	20.0	403,800	436,104			728,100	786,348	759,500	820,260		
12	160	16.0					1,092,100	1,179,468	1,299,500	1,403,460		
13	160	20.0	565,700	610,956								
14	200	16.0					2,123,600	2,293,488				
15	200	20.0	1,005,400	1,085,832								

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM**

VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Gia Định, TP. HCM

ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887

Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP. HCM

ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN ỐNG NHỰA PP-R

Tiêu chuẩn DIN 8078:2008

Hiệu lực từ ngày 29-06-2026 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm		Van		Van cửa		Van bi tay gạt		Van bi tay xoay		Đầu nối bằng bích phun		Gioăng bích (Gioăng tròn)	
	DN	PN	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa	bar	đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
16	20	20.0	142,500	153,900	191,200	206,496	178,700	192,996	191,200	206,496				
17	25	20.0	193,200	208,656	220,000	237,600	220,000	237,600	220,000	237,600				
18	32	20.0	222,800	240,624	315,600	340,848								
19	40	20.0	345,200	372,816	531,200	573,696								
20	50	20.0	588,100	635,148	828,400	894,672					125,100	135,108	12,900	13,932
21	63	20.0			1,276,500	1,378,620					154,800	167,184	18,100	19,548
22	75	20.0									239,500	258,660	20,100	21,708
23	90	20.0									273,500	295,380	25,800	27,864
24	110	20.0									359,500	388,260	44,200	47,736
25	125	20.0									586,900	633,852		
26	140	16.0									550,200	594,216		
27	125*	20.0									779,400	841,752	44,200	47,736
28	140*	20.0									1,109,600	1,198,368	55,200	59,616
29	160*	20.0									1,696,500	1,832,220	62,700	67,716
30	200*	20.0									3,576,300	3,862,404	81,000	87,480

STT	Sản Phẩm		Zắc co nhựa	
	DN	PN	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa	bar	đồng/cái	
31	20	10.0	26,400	28,512
32	25	10.0	38,900	42,012
33	32	10.0	56,000	60,480
34	40	8.0	64,300	69,444
35	50	6.0	96,600	104,328
36	63	6.0	223,700	241,596

STT	Sản Phẩm		Ống tránh	
	DN	PN	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa	bar	đồng/cái	
37	20	20.0	10,400	11,232
38	25	20.0	19,500	21,060

Chú ý: * - sản phẩm mặt bích hàn đối đầu

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM**

VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Gia Định, TP. HCM

ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887

Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP. HCM

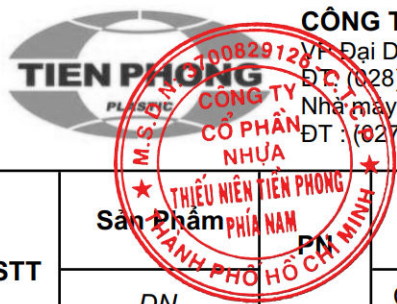
ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN ỐNG NHỰA PP-R

Tiêu chuẩn DIN 8078:2008

Hiệu lực từ ngày 29-06-2026 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm	Nối chuyển bậc (Nối giảm)			Tê chuyển bậc (Ba chạc 90° chuyển bậc)		Đại khởi thủy hàn cấm		STT	Sản Phẩm	PN	Nối chuyển bậc (Nối giảm)		Tê chuyển bậc (Ba chạc 90° chuyển bậc)		Đại khởi thủy hàn cấm	
	DN ĐK danh nghĩa	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT		Thanh toán		Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	bar	đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		bar		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái			
39	25-20	20.0	3,300	3,564	7,300	7,884			60	90-20	20.0					4,400	4,752
40	32-20	20.0	4,700	5,076	12,900	13,932			61	90-25	20.0					4,700	5,076
41	32-25	20.0	4,700	5,076	12,900	13,932			62	90-40	20.0					18,500	19,980
42	40-20	20.0	7,300	7,884	28,300	30,564	3,300	3,564	63	90-50	20.0	65,700	70,956	187,600	202,608	24,900	26,892
43	40-25	20.0	7,300	7,884	28,300	30,564			64	90-63	20.0	83,700	90,396	201,500	217,620		
44	40-32	20.0	7,300	7,884	28,300	30,564			65	90-75	20.0	83,700	90,396	221,700	239,436		
45	50-20	20.0	13,200	14,256	49,700	53,676	3,700	3,996	66	110-50	20.0	127,600	137,808			25,200	27,216
46	50-25	20.0	13,200	14,256	49,700	53,676	4,400	4,752	67	110-63	20.0	171,700	185,436	319,600	345,168		
47	50-32	20.0	13,200	14,256	49,700	53,676			68	110-75	20.0	164,200	177,336	319,600	345,168		
48	50-40	20.0	13,200	14,256	49,700	53,676			69	110-90	20.0	171,700	185,436	319,600	345,168		
49	63-20	20.0					4,100	4,428	70	125-63	20.0					47,100	50,868
50	63-25	20.0	25,500	27,540	87,300	94,284	4,500	4,860	71	125-110	20.0	273,300	295,164				
51	63-32	20.0	25,500	27,540	87,300	94,284	8,400	9,072	72	140-75	20.0			1,054,500	1,138,860		
52	63-40	20.0	25,500	27,540	87,300	94,284			73	140-90	20.0	391,100	422,388				
53	63-50	20.0	25,500	27,540	87,300	94,284			74	140-110	20.0	614,800	663,984				
54	75-20	20.0					4,100	4,428	75	160-110	20.0	582,400	628,992				
55	75-25	20.0					4,500	4,860	76	160-140	20.0	590,900	638,172				
56	75-32	20.0	44,400	47,952	119,500	129,060	8,800	9,504	77	200-125	20.0	1,047,000	1,130,760				
57	75-40	20.0	52,300	56,484	119,500	129,060	17,500	18,900	78	200-140	16.0			3,266,400	3,527,712		
58	75-50	20.0	47,400	51,192	128,500	138,780											
59	75-63	20.0	47,400	51,192	119,500	129,060											

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM**

VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Gia Định, TP. HCM

ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887

Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP. HCM

ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN ỐNG NHỰA PP-R

Tiêu chuẩn DIN 8078:2008

Hiệu lực từ ngày 29-06-2026 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm		Nối thẳng ren trong		Nối thẳng ren ngoài		Co ren trong (Nối góc 90° ren trong)		Co ren ngoài (Nối góc 90° ren ngoài)		Co ren trong kép (Nối góc 90° ren trong kép)	
	DN		Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa	bar	đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
79	20-1/2"	20.0	36,400	39,312	46,000	49,680	40,400	43,632	56,900	61,452	80,900	87,372
80	25-1/2"	20.0	44,400	47,952	53,100	57,348	46,000	49,680	64,300	69,444	102,100	110,268
81	25-3/4"	20.0	49,600	53,568	64,100	69,228	61,800	66,744	76,000	82,080		
82	32-1"	20.0	80,900	87,372	94,700	102,276	114,300	123,444	121,000	130,680		
83	40-1.1/4"	20.0	200,400	216,432	275,400	297,432						
84	50-1.1/2"	20.0	265,900	287,172	344,300	371,844						
85	63-2"	20.0	538,000	581,040	583,400	630,072						
86	75-2.1/2"	20.0	765,800	827,064	894,100	965,628						
87	90-3"	20.0	1,535,800	1,658,664	1,807,400	1,951,992						
88	110-4"	20.0			3,040,800	3,284,064						

STT	Sản Phẩm	PN	Tê ren trong (Ba chạc 90° ren trong)		Tê ren ngoài (Ba chạc 90° ren ngoài)		Zắc co ren trong (Đầu nối ống)		Zắc co ren ngoài (Đầu nối ống)	
	DN		Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
89	20-1/2"	20.0	40,800	44,064	50,200	54,216	121,200	130,896	129,300	139,644
90	25-1/2"	20.0	43,600	47,088	54,500	58,860				
91	25-3/4"	20.0	63,600	68,688	66,000	71,280	194,100	209,628	201,500	217,620
92	32-1"	20.0	138,800	149,904	138,600	149,688	284,500	307,260	316,700	342,036
93	40-1.1/4"	20.0					445,800	481,464	469,900	507,492
94	50-3/4"	20.0	267,700	289,116						
95	50-1-1/2"	20.0					776,500	838,620	829,400	895,752
96	63-2"	20.0					1,034,800	1,117,584	1,121,900	1,211,652